

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 12/2021/DS-GĐT

Ngày 28/4/2021

V/v “Tranh chấp phân chia di sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Long;

*Các Thẩm phán:* Ông Lại Văn Trinh và ông Vũ Thanh Liêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thuý Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp phân chia di sản*”, giữa:

***1. Nguyên đơn:***

- Ông Lê Thanh H, ông Lê Quốc H1, ông Lê Mạnh H2.

Cùng cư trú: tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình;

- Ông Lê Chí M; cư trú: thôn K, xã Kim Hóa, huyện T, tỉnh Quảng Bình;

- Bà Lê Thị T, bà Lê Thị Hồng M, bà Lê Thị Kim Th, bà Lê Thị Kim T1.

Cùng cư trú: số B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

***2. Bị đơn:*** ông Lê Văn S; cư trú: tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

***3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị Th1; cư trú: tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Hồ Thị M; cư trú: thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Hoàng Duy Đ; cư trú: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:*

Bố mẹ của các ông, bà là cụ Lê Văn T và cụ Đinh Thị B sinh được 09 người con: Lê Chí M, Lê Quốc H1, Lê Thị Kim T, Lê Thị Hồng M, Lê Văn S, Lê Thanh H, Lê Mạnh H2, Lê Thị Kim Th và Lê Thị Kim T1. Cụ T, cụ B ly hôn vào năm 1989, từ đó mỗi người sống một nơi. Ngày 22/12/1992, cụ T mua lại nhà và đất của bà Hồ Thị M (sau khi bà M và ông Hoàng Duy Đ ly hôn), vị trí ngôi nhà nằm dọc theo QL12A, thuộc tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Quá trình sử dụng, cụ T có tu sửa lại nhà cửa, thay mái lợp Fibro xi măng và xây tường bao xung quanh. Năm 1997, cụ T kê khai thuế nhà đất. Năm 2007, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T ra quyết định thu hồi 1,4 m<sup>2</sup> đất ở để phục vụ nâng cấp quốc lộ 12A. Việc sử dụng đất ổn định không có tranh chấp, hằng năm cụ T đều thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ, đang trong thời gian chờ các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ T bệnh nặng và qua đời vào ngày 10/02/2013. Cụ T chết, không để lại di chúc.

Năm 2011, (lúc cụ T còn sống), vợ chồng ông Lê Văn S mượn đất của cụ T để làm quán và chuyển ra sống cùng với cụ T. Sau khi cụ T chết vào năm 2013, thì ông S đã tự ý xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất, anh chị em trong gia đình đã báo với chính quyền địa phương và chính quyền đã ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình trái phép nói trên. Hiện tại vợ chồng ông Lê Văn S và bà Phạm Thị Th đã chiếm giữ sử dụng toàn bộ diện tích đất, nhà cửa và các tài sản trên đất mà cụ T chết để lại bao gồm: quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36, diện tích 521,1m<sup>2</sup> (đất ở: 374m<sup>2</sup> và đất vườn: 147,1m<sup>2</sup>) tại địa chỉ tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

*Theo bị đơn ông Lê Văn S trình bày:*

Ông Lê Văn S thống nhất với trình bày của các nguyên đơn về thời điểm cụ Lê Văn T chết, về các con của cụ T. Tuy nhiên, Ông cho rằng nguồn gốc của tài sản mà các nguyên đơn có yêu cầu chia di sản của bố ông như sau: bố ông sau khi ly hôn với mẹ ông là cụ Đinh Thị B có mua lại của bà Hồ Thị M một ngôi nhà tranh hai gian. Tại thời điểm bố ông mua nhà của bà M thì bà M mới ly hôn với ông Đ, bà M chỉ có quyền sở hữu nhà, còn đất là thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Đến năm 2011, vợ chồng ông về sống với cụ T tại ngôi nhà này; để có cơ sở yêu cầu Nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất mà cả gia đình ông đang sinh sống, Ông đã tìm gặp ông Đ và ông Đ đồng ý bán lại thửa đất trên với giá 105.000.000 đồng cho vợ chồng ông, việc mua bán được lập giấy tay. Năm 2011, bố ông có viết di chúc để lại tài sản cho ông là ngôi nhà trên diện tích đất trên. Vợ chồng ông đang trong giai đoạn làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên thì bố ông chết. Nay các nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu phân chia di sản đối với quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36, thì Ông không đồng ý vì đây không phải là di sản của cụ Lê Văn T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Phạm Thị Th1 (vợ của ông Lê Văn S) trình bày: thống nhất với ý kiến của ông Lê Văn S.*

*Bà Hồ Thị M và ông Hoàng Duy Đ trình bày: thống nhất về quá trình, thủ tục mua bán nhà, đất như vợ chồng ông Lê Văn S và bà Phạm Thị Th trình bày. Hiện tại, việc mua bán nhà đã hoàn tất, nên không còn liên quan và không có yêu cầu gì.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

*1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Thanh H và các đồng nguyên đơn là: Lê Chí M, Lê Quốc H1, Lê Thị T, Lê Thị Hồng M, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Kim T1, Lê Mạnh H2 (ủy quyền cho ông Lê Thanh H) về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Lê Văn T tại tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.*

*Áp dụng Điều 674, Điều 675, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 100, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Thanh H và các nguyên đơn ủy quyền cho ông H khởi kiện. Buộc ông Lê Văn S phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch, hoàn trả cho các thừa kế gồm: Lê Chí M, Lê Thanh H, Lê Quốc H1, Lê Thị T, Lê Thị Hồng M, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Kim T1, Lê Mạnh H2 mỗi người một kỳ phần thừa kế bằng nhau là 50.133.800 đồng. Tổng số tiền ông Lê Văn S phải hoàn trả cho các đồng thừa kế khác là 401.070.400 đồng (bốn trăm lẻ một triệu không trăm bảy mươi ngàn bốn trăm đồng).*

*Giao cho ông Lê Thanh H quyền quản lý phần di sản thừa kế của các đồng nguyên đơn gồm có: Lê Chí M, Lê Quốc H1, Lê Thị T, Lê Thị Hồng M, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Kim T1, Lê Mạnh H2. Tổng số tiền 350.936.000đ.*

*Giao cho ông Lê Văn S được hưởng di sản thừa kế của ông T trị giá là 50.133.800 đồng (năm mươi triệu một trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng).*

*Giao cho ông Lê Văn S được sử dụng toàn bộ diện tích đất ở của ông T là 448,5m<sup>2</sup>, trị giá 385.296.000đ và ông Lê Văn S được sở hữu ngôi nhà số 3 có diện tích 35,1m<sup>2</sup> trị giá 65.908.000đ.*

*Tổng giá trị di sản của ông T để lại là 451.205.000 đồng (bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng). Ông Lê Văn S và bà Phạm Thị Th1 được sở hữu hai ngôi nhà của vợ chồng gồm (nhà số 1 có diện tích 45,83m<sup>2</sup> trị giá 80.000.000đ, nhà số 2 có diện tích 76,17m<sup>2</sup> trị giá 220.000.550đ) cùng toàn bộ số cây trồng trên đất trị giá 4.380.000đ. Tổng giá trị tài sản của vợ chồng có trên đất thừa kế của ông T là 304.380.000đ (Ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng giá trị tài sản của vợ chồng và của ông T để lại là 755.585.000đ (Bảy trăm năm mươi lăm triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng).*

*Ông Lê Văn S có nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh H và các đồng nguyên đơn giao cho ông Lê Thanh H nhận và quản lý phần giá trị di sản thừa kế của các đồng nguyên đơn từ ông Lê Văn S số tiền là 401.070.000 đồng.*

*2. Bác yêu cầu của ông Lê Văn S về việc khẳng định việc chuyển nhượng giữa ông Lê Văn S và ông Hoàng Duy Đ vì không có căn cứ.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26/6/2017, bị đơn ông Lê Văn S kháng cáo bản án; ngày 03/7/2017, nguyên đơn ông Lê Thanh H kháng cáo bản án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2017DS-PT ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

*Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 634, 642, 645, 675, 676 của Bộ luật Dân sự 2005, Điều 100, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh H. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 20/6/2017 của TAND huyện T.*

*2. Chấp nhận Đơn yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và các đồng nguyên đơn là: Lê Chí M, Lê Quốc H1, Lê Thị T, Lê Thị Hồng M, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Kim T1, Lê Mạnh H2 về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn T theo pháp luật, gồm: Thừa đất số 24, tờ bản đồ số 36, diện tích 521,2m<sup>2</sup> và một phần tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: TK Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có giá trị là 458.865.000 đồng.*

*- Công nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lê Chí M, Lê Quốc H1, Lê Thị T, Lê Thị Hồng M, Lê Thị Kim Th, Lê Thị Kim T1, Lê Mạnh H2 có nội dung nhường phần di sản của mình được hưởng cho ông Lê Thanh H.*

*Chia cho ông Lê Thanh H được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà thứ 2 và ngôi nhà thứ 3, các tài sản khác gắn liền với diện tích 321,8m<sup>2</sup>, bao gồm 230m<sup>2</sup> đất ở và 91,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (gắn với đồng tây tứ cận).*

*Tổng giá trị tài sản ông Lê Thanh H được phân chia là: 407.880.000 đồng, bao gồm: giá trị quyền sử dụng đất: 238.736.000 đồng, ngôi nhà số 3 là 67.737.000 đồng và 101.407.000 đồng do ông S giao chênh lệch do vượt quá kỷ phần.*

Ông Lê Thanh H có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Văn S và bà Phạm Thị Th giá trị ngôi nhà số 2 là tài sản do ông S và bà Th tạo dựng tương ứng số tiền 224.110.400 đ đồng.

Chia cho ông Lê Văn S được quyền sử dụng diện tích đất 199.3m<sup>2</sup> trên diện tích này có ngôi nhà số 1 do vợ chồng ông Lê Văn S xây dựng lên, bao gồm 142.6m<sup>2</sup> đất ở và 56,7 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, và toàn bộ số cây trồng trên đất (gắn với đông tây tứ cận).

Tổng giá trị tài sản ông Lê Văn S được phân chia là: 152.392.000 đồng.

Ông Lê Văn S có nghĩa vụ giao lại phần giá trị chênh lệch theo kỹ phân thừa kế cho ông Lê Thanh H tương ứng với số tiền 101.407.000 đồng .

Sau khi bù trừ nghĩa vụ ông Lê Thanh H còn phải giao tiền chênh lệch cho ông Lê Văn S S số tiền 122.703.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Ngày 25/01/2018, ông Lê Thanh H có Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Do phần quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm trên thực tế không thể thi hành án được; bởi vì theo Sơ đồ vị trí hiện trạng khu đất tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất ngày 27/4/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập, thể hiện một phần diện tích của ngôi nhà thứ 2 nằm chồng lên một phần diện tích ngôi nhà thứ nhất là 18,8m<sup>2</sup>. Đồng thời, còn một số thiếu sót vi phạm tố tụng như: không xem xét, quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng (thẩm định, định giá tài sản), không xử lý đối với số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà ông H nộp tạm ứng; không quyết định trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Lê Thanh H do ông H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2020/KN-DS ngày 12/11/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2017/DS-PT ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm và Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2020/KN-DS ngày 12/11/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm và Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân

huyện T, tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Toà án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Lê Văn T để lại bao gồm: diện tích đất là 448,5m<sup>2</sup>, trị giá 385.296.000đ; ngôi nhà số 3 có diện tích 35,1m<sup>2</sup>, trị giá 65.908.000đ; đồng thời, quyết định chia di sản theo giá trị, giao cho ông Lê Văn S các tài sản trên, ông S có trách nhiệm thối lại giá trị cho các thừa kế khác là không đúng vì di sản không thuộc trường hợp không thể phân chia bằng hiện vật, theo quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005).

[2] Toà án cấp phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm, chia di sản thừa kế bằng hiện vật; tuy nhiên, khi quyết định việc phân chia, cụ thể: “... Chia cho ông Lê Thanh H được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà thứ 2 và ngôi nhà thứ 3, các tài sản khác gắn liền với diện tích đất 321,8m<sup>2</sup>...”; “... Chia cho ông Lê Văn S được quyền sử dụng diện tích đất 199.3m<sup>2</sup> trên diện tích đất này có ngôi nhà số 1, do vợ chồng ông Lê Văn S xây dựng lên...”, thì thực tế không thể thi hành án được; bởi vì theo Sơ đồ vị trí hiện trạng khu đất tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất ngày 27/4/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T lập, đính kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (do Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị thực hiện) thể hiện một phần diện tích của ngôi nhà thứ 2 nằm chồng lên một phần diện tích ngôi nhà thứ nhất là 18,8m<sup>2</sup>.

[3] Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn một số thiếu sót vi phạm tố tụng như: Không xem xét, quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng (thẩm định, định giá tài sản), từ đó không xử lý đối với số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà ông H nộp tạm ứng; không quyết định trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Lê Thanh H do ông H không phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2020/KN-DS ngày 12/11/2020 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2020/KN-DS ngày 12/11/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xử:

1. Huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 26/2017/DS-PT ngày 14/11/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST

ngày 20/6/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT II – TAND tối cao;
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình (02 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Bình (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Long**